**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CAI LẬY**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đinh Thành Công.

2. Ông Dương Trần Trọng Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 340/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T.

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T.

## NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2007 do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 07 tháng 5 năm 2007. Sau khi cưới chị và anh T sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với chị. Mặc dù chị D có khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2015. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên  sinh ngày 09 tháng 5 năm 2007. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Anh Nguyễn Chí T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị D về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại anh và chị D đã ly thân nhưng anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 09 tháng 5 năm 2007 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Hoàng D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 09 tháng 5 năm 2007 cho Chị Nguyễn Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng do chị D không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tại huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D có đơn xin ly hôn với anh T. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T cưới nhau vào năm 2007 trên cơ sở do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh T và chị D sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với chị nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị D. Theo

xác nhận của Trưởng ấp ấp 9, xã L thì việc anh T thường xuyên đánh đập chị D là có thật. Tại phiên tòa anh T thừa nhận anh có đánh chị D, vợ chồng hiện tại đã ly thân không còn sống chung, nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm, trong khi chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh T và chị D vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 09 tháng 5 năm 2007 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa anh T có ý kiến được nuôi con chung. Xét thấy hiện tại chị D có việc làm ổn định, trong khi anh T làm phụ hồ không thường xuyên, trong thời gian anh T và chị D ly thân nhau cháu Hân do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cháu đã có tình cảm gắn bó và có thói quen trong môi trường sống. Hơn nữa cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với chị D. Do đó, giao cháu H cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Hoàng D. Chị Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn với Anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 09 tháng 5 năm 2007 cho Chị Nguyễn Thị Hoàng D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14751 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thưa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CAI LẬY**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Cai Lậy, ngày 27 tháng 12 năm 2017.*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 27 tháng 12 năm 2017

Tại phòng trụ sở Tòa án nhân dân huyên Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thưa.**
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Thành Công**
2. Ông **Dương Trần Trọng Quang**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp " ly hôn" giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1975, (có mặt)
Địa chỉ: ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T.

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1978, (có mặt)
Địa chỉ: ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết 3/3.

**Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Hoàng D. Chị Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn với Anh Nguyễn Chí T.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hsinh ngày 09 tháng 5 năm 2007 cho Chị Nguyễn Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14751 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Kết quả biểu quyết 3/3.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hội đồng xét xử**